TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ C** **TỈNH BÌNH DƯƠNG** Số: 114/2019/QĐST-HNGĐ	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** *C, ngày 03 tháng 7 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 386/2019/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 6 năm 2019, giữa:

Nguyên đơn: Bà Trần T, sinh năm 1976; địa chỉ: Số 230, tổ 2, khu phố K, phường P, thị xã U, tỉnh Bình Dương.

Bị đơn: Ông Lê M, sinh năm 1978; địa chỉ: Khu phố 1, phường P, thị xã C, tỉnh Bình Dương.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 25 tháng 6 năm 2019.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 25 tháng 6 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn giữa: Bà Trần T và ông Lê M.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về hôn nhân: Bà Trần T và ông Lê M tự nguyện, thuận tình ly hôn.

Kể từ ngày có Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự Giấy chứng nhận kết hôn số 83, quyển số 01/2003 do Ủy ban nhân dân xã P, huyện U (nay là phường P, thị xã U), tỉnh Bình Dương cấp ngày 15/10/2003 cho bà Trần T và ông Lê M không còn giá trị pháp lý.

- Về con chung: Giao 01 con chung tên Lê K, sinh ngày 21/7/2005 cho bà Trần T tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ghi nhận bà Trần T không yêu cầu ông Lê M cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông Lê M có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền cản trở.

- Về tài sản chung, nợ chung: Bà Trần T, ông Lê M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Bà Trần T phải chịu 75.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình; ông Lê M phải chịu 75.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình. Bà Trần T tự nguyện nộp thay cho ông Lê M 75.000 đồng, tổng cộng số tiền bà Trần T phải nộp là 150.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu số AA/2016/00030163 ngày 12/6/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương. Bà Trần T được hoàn trả số tiền chênh lệch là 150.000 (một trăm năm mươi nghìn) đồng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã C;
- Chi cục THADS thị xã C;
- UBND phường P, thị xã U, tỉnh Bình Dương;
- Lưu: HSVA, VT.

THẨM PHÁN

Lê Cẩm Hằng